

Bản án số: 18/2018/HS-ST

Ngày: 28 – 6 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân

Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Minh – Cán bộ hưu trí (Nguyên Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo thành phố T, tỉnh Tây Ninh);

2/ Bà Phan Thị Thùy Vân – Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Tây Ninh;

3/ Ông Nguyễn Văn Nho - Phó trưởng Ban Chính sách, pháp luật Liên đoàn Lao động tỉnh Tây Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trường tiểu học N, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2018/TLST-HS ngày 18/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/HSST-QĐ ngày 17/6/2018 đối với các bị cáo:

Nguyễn Thanh B (tên gọi khác: Bình Hồng T), sinh ngày 24/09/1995 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi ĐKKHKT: Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Nơi tạm trú: Ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hùng T và bà Phạm Thị Mộng H; Có vợ là Hồ Thị Thanh T, chưa có con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Ngày 21/9/2016 bị Công an Thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy, chưa thi hành. Bị bắt, tạm giam từ ngày 21/9/2017 đến nay. (Có mặt)

Đỗ Quốc T, sinh ngày 29/02/2000 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi ĐKHKTT: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Nơi tạm trú: Khu phố 4, phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ (Đỗ) Thành V và bà Trần Thị Tuyết M; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Ngày 08/9/2017 bị Công an phường IV, thành phố T, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã thi hành xong ngày 10/10/2017. Bị bắt, tạm giam từ ngày 21/9/2017 đến nay. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Quốc T*: Ông Đỗ Thành V, sinh năm 1977; Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Là cha và mẹ ruột của bị cáo. (Cùng có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh B*: Ông Trần Quốc K – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quốc T*: Ông Phạm Văn T – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1977. Đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Quốc T. (Có mặt)

Anh Nguyễn Thành T4, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 851, khu phố 1, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 21/9/2017, tại phòng trọ số 17 khách sạn B thuộc huyện G, tỉnh Tây Ninh, Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh phối hợp cùng Chi cục hải quan M, Đoàn biên phòng M, Bộ đội biên phòng tỉnh Tây Ninh và Công an xã T, huyện G bắt quả tang Đỗ Quốc T đang giữ 03 gói nylon hàn kín chứa viên nén hình chữ nhật màu xanh. T khai nhận số viên nén này là ma túy dạng thuốc lắc mà T nhận vận chuyển thuê cho Nguyễn Thanh B.

Đến khoảng 03 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra bắt và khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thanh B, thu giữ 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 VNĐ gói lại chứa chất bột trắng, roi điện và một số đồ vật khác.

Kết luận giám định số 187/MT-2017 ngày 02/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: 03 gói nylon hàn kín chứa 3.000 viên nén hình chữ nhật là chất ma túy loại N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (MDMA), tổng trọng lượng 999,4449 gam.

Chất rắn dạng bột gói bên trong tờ tiền là chất ma túy tên gọi Ketamine, trọng lượng 0,3717 gam.

Quá trình điều tra thể hiện: Tháng 6/2017 Nguyễn Thanh B sang sòng bạc tại Campuchia đánh bạc thì quen biết đối tượng tên T1 (tên gọi khác: X) và T2. T1, T2 và T cùng thỏa thuận với nhau B sẽ vận chuyển ma túy từ Campuchia về Việt Nam cho T1 và T2 để nhận tiền công. Sau đó, B đặt vấn đề vận chuyển ma túy nhận tiền công với người quen từ trước là Đỗ Quốc T, T đồng ý. Kết quả, trong tháng 9/2017, T cùng B vận chuyển ma túy 04 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng ngày 12/9/2017, B nhận vận chuyển cho T1 khoảng 1.000 viên ma túy tổng hợp từ Campuchia đến Thành phố Hồ Chí Minh, tiền công 20.000.000 đồng. Theo yêu cầu của B, T đến Thành phố Hồ Chí Minh thuê khách sạn nghỉ để chờ nhận ma túy từ một người đàn ông không rõ lai lịch. Nhận xong T đưa cho B, lấy tiền công 10.000.000 đồng. B đem ma túy đi giao lại cho người tên Tuấn. Tiền công vận chuyển T1 chưa trả do B còn nợ T1 13.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng ngày 19/9/2017, B nhận vận chuyển cho T2 1.000 viên ma túy tổng hợp và 100 gam ma túy Ketamine từ Campuchia về Việt Nam, tiền công 30.000.000 đồng. B cho T số điện thoại của người giao ma túy, yêu cầu T sang Campuchia nhận. T đi xe ôm sang Campuchia, liên lạc với đối tượng chưa rõ lai lịch nhận 02 gói ma túy đem về nhà trọ cất giữ. B liên lạc với đối tượng tên Nhất và Long thỏa thuận việc giao nhận và yêu cầu B đem đi giao. T đi đến Tp HCM, dùng số điện thoại B đưa để liên lạc và giao cho Nhất một phần ma túy đã đem từ Campuchia về, sau đó thì đi đến Tp Bà Rịa giao gói còn lại cho B. B nhận xong thì đem giao cho L.

Lần thứ ba: Ngày 20/9/2017, khi chơi tại sòng bạc M (Campuchia), B gặp và nhận vận chuyển cho T2 một bịch ma túy tổng hợp (Ketamine) từ Campuchia về Thành phố Hồ Chí Minh giao lại cho đối tượng tên T3. B đến phòng nghỉ của T2 tại sòng bạc nhận ma túy cất trong túi đeo bên người. Đến khoảng 07 giờ, B sang sòng bạc L gặp T1, nhận vận chuyển 03 thùng ma túy tổng hợp (khoảng 3.000 viên) từ Campuchia về Thành phố Hồ Chí Minh giao lại cho đối tượng tên C, tiền công 60.000.000 đồng.

B gọi điện thoại yêu cầu T sang Campuchia, đến sòng bạc L nhận ma túy của T2 đưa. T thuê người đàn ông tên Q dùng xe ô tô chở đến khu vực biên giới, thuê xe ôm chở sang Campuchia gặp B. Nhận ma túy xong T đem về chỗ ở tại huyện G cất giữ. Đến khoảng 12 giờ, B về gặp T lấy ma túy và đem giao cho T3, T3 đưa B 80.000.000 đồng. B cho T2 60.000.000 đồng (chuyển vào tài khoản Nguyễn Thị Kim Y mở tại Ngân hàng S), giữ lại 10.000.000 đồng công vận chuyển và 10.000.000 đồng vay của T2.

Lần thứ tư: B thỏa thuận nhận vận chuyển cho T1 03 thùng ma túy tổng hợp (khoảng 3.000 viên) nên khoảng 17 giờ ngày 20/9/2017, T1 gọi điện thoại trao đổi sẽ có người đem ma túy đến G giao. B liên lạc với T, cho T số

điện thoại của người sẽ giao ma túy, đồng thời cũng gửi số điện thoại của T cho T1 để tiện giao nhận. T đến G thuê phòng tại khách sạn X chờ nhận ma túy nhưng đến khoảng 21 giờ, B đi cùng người tên Q từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện G hẹn gặp mặt T tại quán ăn, đưa T 20.000.000 đồng để đưa cho người giao ma túy và kêu T thuê khách sạn khác để nhận ma túy. Bàn bạc xong B về thành phố T, T đến khách sạn B thuê phòng chờ nhận ma túy. Khoảng 23 giờ, B liên lạc với T hỏi thăm tình hình, T trả lời chưa nhận được. Đến khoảng 01 giờ ngày 21/9/2017, một người đàn ông không rõ lai lịch liên lạc với T hỏi cụ thể địa điểm, sau đó đến giao cho T 03 thùng ma túy tại phòng khách sạn, T đưa tiền như lời B dặn. T giấu ma túy trên máy lạnh trong phòng, bị lực lượng chức năng kiểm tra và thu giữ quả tang. Sau khi bị bắt, T1 và B đều có gọi điện thoại cho T hỏi đã nhận được ma túy chưa, T trả lời đã nhận được; B nói nhận rồi sao không báo và dặn T ở khách sạn chờ trời sáng B sẽ đến cùng T đem ma túy đi Thành phố Hồ Chí Minh giao.

Quá trình điều tra, ban đầu lời khai của B và T phù hợp với nhau, phù hợp với T và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện B và T nhiều lần phối hợp vận chuyển ma túy thuê, B giữ vai trò chỉ đạo T thực hiện. Tuy nhiên, sau đó B chỉ thừa nhận đã cùng T vận chuyển ma túy 01 lần khối lượng khoảng 100 gam từ Campuchia vào Việt Nam, không thừa nhận số ma túy bị bắt quả tang và các lần khác.

Đối với T1 (X), T2 và các đối tượng đã nhận ma túy chưa xác được định họ tên, địa chỉ cụ thể; đối tượng Nguyễn Thị Kim Y hiện vắng mặt tại địa phương chưa rõ đi đâu. Riêng người lái xe ô tô tên Q, theo lời khai của B, T cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Q không biết việc vận chuyển ma túy.

Suốt quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận ngoài lần bị bắt quả tang còn cùng B thực hiện 03 lần vận chuyển ma túy khác; riêng B trong giai đoạn ban đầu thừa nhận nhiều lần nhận vận chuyển thuê cho T2, T1 với sự giúp sức của T, nhưng sau đó thay đổi lời khai chỉ nhận vận chuyển cho T2 01 lần duy nhất khối lượng 100 gam còn lần T bị bắt quả tang là T tự nhận vận chuyển với T1, không liên quan đến B.

Vật chứng thu giữ:

01 (một) hộp niêm phong ghi vụ số 187/1 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn N và trợ lý Nguyễn Thế A, bên trong có 988,4331 gam chất ma túy MDMA; 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 187/2 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn và trợ lý Nguyễn Thế A, bên trong có 0,2209 gam chất ma túy Ketamine.

Thu giữ của T: 01 (một) điện thoại di động Iphone màu hồng, số Imei 359165077938213; 01 (một) điện thoại di động Mobell màu đen, số Imei 862619030164218; 01 (một) xe mô tô Exciter màu tím gắn biển số 59U1-00468, số máy 1S94007140, số khung RLCE1S9407Y007140; 01 (một) xe

mô tô hiệu Jupiter màu đen - xám - bạc gắn biển số 70F3-2629, số máy 2S01-021218, số khung RLCJ2S0106Y-021218; 800.000 đồng.

Thu giữ của B: 01 (một) điện thoại di động Iphone màu trắng, số Imei 352062068889256; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1202 màu đen, số Imei 358285/03/746972/8; 01 điện thoại di động Nokia màu trắng, số Imei 357256/05/754010/3; 01 (một) xe mô tô SH Mode màu bạc - đen gắn biển số 70B1-70101, số máy JF51E0866376, số khung RLHJF5131GZ238700 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 040769 mang tên Nguyễn Thanh B; 01 (một) xe mô tô Exciter màu đen vàng gắn biển số 70H1-30430, số khung RLCE1S9408Y027399 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026886 mang tên Phạm Quốc H; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 291110838 mang tên Nguyễn Thanh B; 01 (một) đồng hồ đeo tay màu trắng bên trong có dòng chữ EMPORIOR; 01 (một) túi xách màu nâu bên ngoài có dòng chữ Jeep; 01 (một) cây roi điện màu đen hiệu HY-910A, 01 (một) cây gậy màu đen loại ba khúc; 50.000.000 đồng và 500 USD.

Kết luận giám định số 109/GT.2017 ngày 29/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tây Ninh xác định 50.800.000 đồng và 500 USD nêu trên là tiền thật.

Ngoài ra, còn có 01 (một) đĩa CD và 04 phụ lục đính kèm Kết luận giám định số 1249/C54B ngày 29/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục cảnh sát đối với việc khôi phục, trích xuất, tìm kiếm dữ liệu nhật ký cuộc gọi, tin nhắn văn bản (SMS), hình ảnh, video, tập tin âm thanh lưu trên 01 (một) điện thoại di động Iphone số Imei 359165077938213 (thu của T) và 01 (một) điện thoại di động Iphone số Imei 352062068889256 (thu của B) trong thời gian từ ngày 10/9/2017 đến ngày 22/9/2017 hiện đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSTN-P1 ngày 18/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh B và Đỗ Quốc T về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

Đối với Nguyễn Thanh B: Phạm tội có tổ chức; phạm tội nhiều lần; xúi giục người chưa thành niên phạm tội quy định tại điểm a, g, n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Người phạm tội tự thú quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Đỗ Quốc T: Phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Người phạm tội tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong học tập quy định tại điểm o, p, s khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thanh B thừa nhận có cùng T vận chuyển ma túy 01 lần khối lượng khoảng 100 gam từ Campuchia vào Việt Nam, không thừa nhận các lần khác mà bị cáo T thực hiện.

Bị cáo Đỗ Quốc T thừa nhận vận chuyển chất ma túy 04 lần như Cáo trạng đã nêu. Cả 04 lần đều do bị cáo B thuê bị cáo thực hiện, tiền công mỗi chuyến trong tỉnh 5.000.000 đồng, ngoài tỉnh 10.000.000 đồng. Bị cáo chỉ mới hưởng 10.000.000 đồng, tiêu xài hết 9.200.000 đồng, còn lại 800.000 đồng đang bị tạm giữ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung truy tố và các vấn đề đã nêu tại bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh B và Đỗ Quốc T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 194, Điều 34; điểm a, g, n khoản 1 Điều 48; điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B mức án tù chung thân; phạt bổ sung từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 194; Điều 69; Điều 74; điểm a, g khoản 1 Điều 48; điểm o, p, s khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T mức án từ 13 đến 15 năm tù.

Xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Luật sư K trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo B: Luật sư đồng tình với cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tự khai ra hành vi phạm tội trước đó nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, dù bị cáo chối bỏ những lời khai trước đó có trong hồ sơ vụ án, nhưng do mức án cao nên đề nghị áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất trong khung hình phạt bị truy tố.

Luật sư T trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo T: Bị cáo bị truy tố về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật. Khi bị bắt quả tang, bị cáo đã phối hợp với cơ quan điều tra bắt được các đối tượng khác. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về những lỗi lầm đã gây ra. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, tuy thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức nhưng bị cáo chỉ là người làm thuê giữ vai trò giúp sức mờ nhạt. Về nhân thân tuy có bị xử phạt hành chính nhưng đã chấp hành xong, quá trình học tập tại trường đã đạt nhiều thành tích cao trong phong trào thể thao của tỉnh Tây Ninh. Do đó, đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm o, p, s, q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới 13 năm tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo B: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã suy nghĩ và biết mình vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo đã ăn năn hối cải, do độ tuổi nhỏ nên thiếu hiểu biết. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng bị cáo bị bức cung nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đỗ Quốc T khai nhận bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi vận chuyển ma túy thuê cho B để nhận tiền công như cáo trạng đã nêu; bị cáo B chỉ thừa nhận thuê bị cáo T vận chuyển ma túy thuê 01 lần vào buổi sáng ngày 20/9/2017 với khối lượng khoảng 100 gam từ Campuchia về Thành phố Hồ Chí Minh giao cho T3, không thừa nhận có liên quan đến số ma túy bị bắt quả tang cũng như các lần khác mà T khai nhận.

Trên cơ sở kết quả thu giữ vật chứng, kết luận giám định, lời khai của bị cáo Đỗ Quốc T và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; qua xem xét nhật ký cuộc gọi, hội thoại ghi âm, hình ảnh và tin nhắn trích xuất từ điện thoại thu giữ của T và B trong các ngày 20 - 21/9/2017, được các bị cáo thừa nhận tính xác thực của các chứng cứ này trong quá trình điều tra và lời khai tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Khoảng 01 giờ ngày 21/9, T bị bắt quả tang với 999,4449 gam ma túy MDMA. T xác định số ma túy này do B thuê T vận chuyển với số tiền công 10.000.000 đồng. B khai buổi sáng ngày 20/9 B kêu T đến nhà B lấy số tiền 275.000.000 đồng đem qua Campuchia đưa B để B trả cho T1, khi giao tiền (có mặt T) thì T1 đặt vấn đề thuê B vận chuyển 3.000 viên ma túy (03 thùng) về Việt Nam nhưng B từ chối và kêu T1 trực tiếp thuê T nên B không liên quan đến lần vận chuyển này. Tuy nhiên, tại phiên tòa B thừa nhận có nhận của T1 số tiền 50.000.000 đồng tại Campuchia khi gặp mặt, sau đó T1 điện thoại yêu cầu B đưa 20.000.000 đồng cho T nên đến tối ngày 20/9 B hẹn gặp T tại G, đưa T 20.000.000 đồng yêu cầu T đưa cho người giao ma túy.

Cũng trong ngày 20/9, B nhắn tin cho T1 số điện thoại của T để T1 đưa cho người giao ma túy liên lạc với T. Trước khi bị bắt quả tang, B và T1 còn nhiều lần liên lạc với nhau qua điện thoại nội dung xoay quanh việc T nhận đồ từ T1. Khi cần xác nhận tình hình giao nhận ma túy thì T1 liên hệ với B, B liên lạc với T hỏi T đã nhận được chưa, tại sao nhận được mà không báo cho B biết, sau đó B gọi điện thoại cho T1 xác nhận là T đã nhận được hàng, cụ thể:

Lúc 02h28' ngày 21/9 T1 hỏi *“Ừ sao lính cũng nhận được đồ mà không điện cho chị biết hết vậy, sao nó chưa về nữa”*, B đáp *“Hôm qua nhận được rồi, nó quên báo với em”*.

Lúc 02h33' ngày 21/9, B nói *“Nhận được lúc mười hai giờ mấy rồi”*, T1 nói *“... Chị điện cho thằng lính cũng hỏi này rồi, hỏi nó nó nói nhận được rồi. Chị hỏi nó nhận được bốn thùng phải không, nó ừ dạ.”*.

Đến khi lực lượng chức năng bắt quả tang T giấu ma túy tại phòng khách sạn, còn đang làm việc với T thì B liên lạc với T thông qua hình thức hội thoại video, yêu cầu T xoay camera cho B xem toàn bộ cảnh phòng nghỉ T đang ở cho B xem. T phối hợp với cơ quan chức năng cho B xem phòng ở xong, B thấy không có gì bất thường mới hẹn gặp sáng hôm sau gặp T cùng đi giao đồ.

Những tình tiết nêu trên phù hợp với lời khai của T, các bản tự khai do B tự viết, lời khai của B trong giai đoạn điều tra ban đầu (bút lục 19 – 20, 25 – 27, 31 – 32, 309) nên việc B cho rằng việc vận chuyển ma túy cho T1 không liên quan đến B là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, có cơ sở xác định B và T cùng là đồng phạm vận chuyển 999,4449 gam ma túy MDMA bị bắt quả tang.

Ngoài lần bị bắt quả tang, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, B và T còn khai nhận sáng ngày 20/9 khi bị cáo B đến sòng bạc tại Campuchia thì có gặp 2 T2 (T2 3 Vàng), thỏa thuận nhận vận chuyển cho T2 100 gam ma túy dạng bột thường gọi là “Khay” đem về Thành phố Hồ Chí Minh giao cho người tên T3. B nhận ma túy xong thì liên lạc với T sang Campuchia gặp B để nhận ma túy đem về Việt Nam trước, B về sau gặp T lấy và đem đi giao cho T3 tại Thành phố Hồ Chí Minh. B đã trả tiền công cho T là 10.000.000 đồng.

Đối với hai lần vận chuyển ma túy vào ngày 12/9 và 19/9 do các bị cáo tự khai ra trong quá trình điều tra, tuy tại phiên tòa B không thừa nhận các hành vi phạm tội này nhưng trong giai đoạn điều tra ban đầu, chi tiết việc thỏa thuận với người Campuchia, quá trình vận chuyển và giao hàng cho người nhận tại Việt Nam do B viết tại các bản tự khai, lời khai cung cấp cho cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của T nên có cơ sở xác định B và T đã cùng nhau vận chuyển ma túy các lần này.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thanh B và Đỗ Quốc T phạm tội *“Vận chuyển trái phép chất ma túy”* với tình tiết định khung là *“Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba*

trăm gam trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Vì tư lợi cá nhân các bị cáo bất chấp pháp luật vận chuyển số lượng lớn chất ma túy từ nước ngoài đưa vào Việt Nam. Hành vi phạm tội của các bị cáo B và T đã xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội, bởi ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy giảm nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội 04 lần. Trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo B là người đứng ra nhận vận chuyển ma túy, bị cáo T chỉ là người được bị cáo B thuê làm việc cho mình. Bị cáo B biết rõ sự nguy hiểm của việc vận chuyển qua biên giới nên thuê T thực hiện và thậm chí còn đẩy toàn bộ trách nhiệm cho T. Khi T nhận ma túy tại Việt Nam thì B cũng chỉ đạo T phải di chuyển nhiều địa điểm, đến khi cần giao trực tiếp cho khách mua hàng thì B mới trực tiếp gặp T để lấy. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức, phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, trong đó B là người tổ chức và T là người thực hành, giúp sức.

Đối với bị cáo B: Bị cáo có nhân thân xấu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tuy có tự nguyện khai ra hành vi phạm tội trước đó chưa bị phát hiện nhưng đối với các hành vi khác còn chưa khai báo thành khẩn, quanh co chối tội, không thể hiện T độ ăn năn hối cải. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo T chưa đủ 18 tuổi chưa ý thức được toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật của mình, việc phạm tội có một phần nguyên nhân là do B rủ rê lôi kéo, tổ chức thực hiện. Đồng thời bị cáo là người giữ vai trò chính nên bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn trong vụ án. Do đó, có căn cứ áp dụng điểm n khoản 1 Điều 48 và điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Đối với bị cáo T: Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, về nhân thân tuy đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng ma túy nhưng đã chấp hành xong. Ngoài ra, trong thời gian đi học đã từng đạt nhiều thành tích xuất sắc (huy chương) tại các phong trào thể dục thể thao cấp tỉnh và cấp quốc gia. Bị cáo tuy phạm tội nhiều lần nhưng quá trình giải quyết vụ án đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cũng tự thú về hành vi phạm tội trước đó chưa bị phát hiện. Do đó, có căn cứ áp dụng điểm o, p, s khoản 1 Điều 46, khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo B tại phiên tòa chưa thành khẩn khai báo, có T độ quanh co không ăn năn hối cải nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T sau khi bị bắt quả tang đã phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết vụ án nên có căn cứ chấp nhận lời bào chữa của luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tham gia vụ án với vai trò giúp sức do bị bị cáo B rủ rê lôi kéo nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 194, khoản 2 Điều 30 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung đối với bị cáo B 50.000.000 đồng. Riêng bị cáo T phạm tội khi chưa thành niên, căn cứ khoản 5 Điều 69 của Bộ luật Hình sự, không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo T thu lợi bất chính 10.000.000 đồng, đã tiêu xài 9.200.000 đồng nên buộc nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy các chất ma túy thu giữ trong vụ án.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước phương tiện dùng vào việc phạm tội là điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng của bị cáo T, điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng của bị cáo B. Tịch thu số tiền do phạm tội mà có là 800.000 đồng thu giữ của bị cáo T, số tiền 50.000.000 đồng thu giữ của bị cáo B.

Đối với xe mô tô Yamaha loại Exciter hiện đang gắn biển số 59U1-004.68, số máy 1S94007140, số khung RLCE1S9407Y007140: Kết luận giám định số 224/GT.2017 ngày 26/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tây Ninh xác định xe có số máy và số khung chưa bị đục sửa. T xác định là xe của Nguyễn Thành T4 cho mượn do xe Jupiter của T đang gửi cho T4 sửa. Kết quả xác minh nguồn gốc xe do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Tây Ninh (BL 163-164) thể hiện: Biển số xe 59U1-004.68 là cấp cho xe Exciter màu xanh trắng có số máy 040527-P71, số khung 040525-Y do Phan Phú Q1 (ngụ tại Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký xe; đồng thời, xe có số máy 1S94007140, số khung RLCE1S9407Y007140 là xe Exciter có màu đen tím nhưng được cấp biển số là 33P3-5174, do Nguyễn Thị D ngụ tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên đăng ký. Anh Tâm cung cấp hồ sơ xe hợp lệ của bà D, nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc sang nhượng giữa anh và bà D. Mặc dù hiện tại xe gắn biển số khác với biển số được ghi tại giấy chứng nhận đăng ký xe là không đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên Phòng PC52 Công an tỉnh Tây Ninh tra cứu biển số, số khung và số máy thể hiện không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Do không đủ cơ sở xác định đây là xe phi pháp nên giao trả cho anh Tâm tiếp tục quản lý, sử dụng. Về hành vi sử dụng xe gắn biển số không đúng quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý sau.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đen xám bạc biển số 70F3-2629 (thu của T) do Lê Huỳnh Khắc V (ngụ tại huyện G, tỉnh Tây Ninh) đứng tên đăng ký xe: Bà M xác định đây là xe do bà mua đưa cho T sử dụng đồng thời giao nộp giấy tờ đăng ký xe còn hiệu lực. Do không có cơ sở xác định bị cáo T đã sử dụng xe vào việc thực hiện tội phạm nên giao trả cho bà M.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter biển số 70H1-304.30 (thu của B) do Phạm Quốc H đứng tên đăng ký xe. Tuy Bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe do bị cáo giữ và đã giao nộp nhưng do không có giấy tờ sang nhượng nên chưa đủ căn cứ xác định bị cáo là chủ sở hữu xe. Dù vậy, do không có căn cứ xác định đây là xe phi pháp hoặc có liên quan đến tội phạm nên giao trả cho bị cáo tiếp tục quản lý, sử dụng.

Đối với roi điện, gậy ba khúc là “Công cụ hỗ trợ” quy định tại Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/06/2011. Bị cáo sử dụng không đúng quy định pháp luật nên tịch thu tiêu hủy.

Hoàn trả cho bị cáo B giấy tờ, tài sản đã thu giữ khi khám xét nơi ở nhưng không có liên quan đến tội phạm gồm đồng hồ đeo tay, túi xách, xe mô tô SH Mode biển số 70B1-70101 và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thanh B, xe mô tô Exciter biển số 59U1-00468, điện thoại di động Nokia 1202 màu đen, điện thoại di động Nokia màu trắng, 500 USD và Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thanh B. Cơ quan thi hành án tiếp tục tạm giữ các tài sản này để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với 0,3717 gam ma túy dạng bột tên gọi Ketamine thu giữ tại nơi ở của B, không có căn cứ xác định số ma túy này có liên quan đến các lần vận chuyển ma túy thuê, lượng ma túy này cũng không đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự nên không xem xét.

Đối với T1 (X), T2 và các đối tượng đã nhận ma túy chưa xác được định họ tên, địa chỉ cụ thể; đối tượng Nguyễn Thị Kim Y hiện vắng mặt tại địa phương chưa rõ đi đâu nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý các đối tượng này sau. Riêng người lái xe ô tô tên Q, theo lời khai của B, T cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Q không biết việc vận chuyển ma túy nên không có cơ sở xử lý hình sự.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh B (Bình Hồng T) và Đỗ Quốc T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 194; điểm o khoản 1 Điều 46; điểm a, g, n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B tù chung thân. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 21/9/2017.

Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 194; điểm o, p, s, q khoản 1 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc T 13 (*mười ba*) năm tù. Thời hạn chấp hành chấp hành án phạt tù tính từ ngày 21/9/2017.

Căn cứ khoản 5 Điều 194, khoản 2 Điều 30 của Bộ luật Hình sự; Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh B số tiền 50.000.000 đồng.

2. Biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đỗ Quốc T nộp lại tiền thu lợi bất chính sung vào ngân sách nhà nước là 9.200.000 (*chín triệu, hai trăm nghìn*) đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) hộp niêm phong ghi vụ số 187/1 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn và trợ lý Nguyễn Thế An, bên trong có 988,4331 gam chất ma túy MDMA; 01 (*một*) hộp niêm phong ghi vụ số 187/2 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn N và trợ lý Nguyễn Thế A, bên trong có 0,2209 gam chất ma túy Ketamine; 01 (*một*) cây roi điện màu đen hiệu HY-910A; 01 (*một*) cây gậy màu đen loại ba khúc.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (*một*) điện thoại di động Iphone màu hồng, số Imei 359165077938213; 01 (*một*) điện thoại di động Iphone màu trắng, số Imei 352062068889256; số tiền 800.000 (*tám trăm nghìn*) đồng; số tiền 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng.

Giao trả cho bà Trần Thị Tuyết M 01 (*một*) xe mô tô hiệu Jupiter màu đen - xám - bạc gắn biển số 70F3-2629, số máy 2S01-021218, số khung RLCJ2S0106Y-021218.

Giao trả cho anh Nguyễn Thành T4 01 (*một*) xe mô tô Exciter màu tím gắn biển số 59U1-00468, số máy 1S94007140, số khung RLCE1S9407Y007140.

Giao trả cho bị cáo Đỗ Quốc T 01 (*một*) điện thoại di động Mobell màu đen, số Imei 862619030164218. Cơ quan thi hành án tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Giao trả cho bị cáo Nguyễn Thanh B: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 291110838 mang tên Nguyễn Thanh B; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1202 màu đen, số Imei 358285/03/746972/8; 01 điện thoại di động Nokia màu trắng, số Imei 357256/05/754010/3; 01 (một) xe mô tô SH Mode màu bạc - đen gắn biển số 70B1-70101, số máy JF51E0866376, số khung RLHJF5131GZ238700 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 040769 mang tên Nguyễn Thanh B; 01 (một) xe mô tô Exciter màu đen vàng gắn biển số 70H1-30430, số khung RLCE1S9408Y027399 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026886 mang tên Phạm Quốc Hiếu; 01 (một) đồng hồ đeo tay màu trắng bên trong có dòng chữ EMPORIOR; 01 (một) túi xách màu nâu bên ngoài có dòng chữ Jeep. Cơ quan thi hành án tiếp tục tạm giữ các tài sản này để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Thanh B và Đỗ Quốc T mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV 27 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Vân